

Bán ra

Giá mục tiêu: VNĐ24,500

Tiềm năng tăng/giảm: -48.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/10/2025)	47,500
Mã Bloomberg	LPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	24,963-52,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	49,433
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	141,896
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,386
Sig CP lưu hành (tr.đv)	2,987
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	149
Sig CP NN được mua (tr.đv)	124
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	5.00%
Tỷ lệ sở hữu của NN	0.84%
Tỷ lệ freefloat	89.9%
Cổ đông lớn	VNPost (6.54%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	508,330	557,418	654,560
Dư nợ cho vay (ntđ)	331,606	391,295	461,728
Tổng thu nhập HD (ntđ)	19,932	21,087	24,397
Lợi nhuận thuần (ntđ)	9,721	10,667	11,289
BVPS (đồng)	14,508	15,449	18,039
EPS (đồng)	3,254	3,571	3,779
DPS (đồng)	0	2,500	1,000
T.trưởng cho vay KH (%)	20.4	18.0	18.0
T.trưởng thu nhập HD (%)	27.6	5.79	15.7
Tăng trưởng EPS (%)	74.5	9.74	5.83
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	(60.0)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	70.0	26.5
ROAE (%)	25.1	23.8	22.6
ROAA (%)	2.18	2.00	1.86
Tỷ lệ NIM (%)	3.53	3.05	3.36
Tỷ lệ CIR (%)	29.2	27.8	27.4
Hệ số CAR (%)	13.3	12.0	11.7
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.57	1.90	1.90
LLR/nợ xấu (%)	83.3	72.3	68.6
Hệ số LDR (%)	117	118	115
P/B (lần)	3.27	3.07	2.63
P/E (lần)	14.6	13.3	12.6
Lợi suất cổ tức (%)	0	5.26	2.11

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng Lộc Phát là ngân hàng quy mô vừa, được thành lập vào năm 2008, tập trung cho vay bán lẻ và doanh nghiệp SME.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q3 tăng 18,9%, sát với dự báo

- LPB đã công bố LNTT Q3 đạt 3,4 nghìn tỷ đồng (tăng 18,9%), nâng tổng lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2025 lên 9,6 nghìn tỷ đồng (tăng 9%). Kết quả này nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi.
- Tăng trưởng tín dụng đạt 17% kể từ đầu năm, trong khi tổng huy động tăng 15,1% kể từ đầu năm. Tỷ lệ NIM cải thiện 26 điểm cơ bản so với quý trước lên 3,27%, trong khi chi phí huy động tăng 28 điểm cơ bản. Thu nhập ngoài lãi vẫn ảm đạm (giảm 15,7% so với cùng kỳ). Tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ 4 điểm cơ bản so với quý trước xuống 1,78%, trong khi chi phí hoạt động vẫn kiểm soát tốt mặc dù số lượng nhân sự tăng nhẹ.
- HSC giữ nguyên giá mục tiêu và khuyến nghị Bán ra.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025 vào ngày 20/10/2025

LPB đã công bố LNTT Q3 đạt 3,4 nghìn tỷ đồng (tăng 18,9% so với cùng kỳ), nâng tổng lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2025 lên 9,6 nghìn tỷ đồng (tăng 9% so với cùng kỳ). Kết quả này nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi.

Tín dụng tăng 17% kể từ đầu năm, tiền gửi khách hàng tăng 15,2%

Tổng dư nợ tín dụng tăng 17% kể từ đầu năm và tăng 5,2% so với quý trước, tương đương tốc độ trong 6 tháng đầu năm 2025. Tín dụng khách hàng doanh nghiệp lớn và DNNVV tăng mạnh hơn một chút so với tín dụng khách hàng cá nhân trong cả Q3 và 9 tháng đầu năm, tăng lần lượt 5,5% và 4,7% so với quý trước và tăng lần lượt 18,2% và 15,3% kể từ đầu năm. Cơ cấu tín dụng theo ngành, cho vay bán buôn & bán lẻ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, tăng 33% kể từ đầu năm và tăng 8,9% so với quý trước.

Tổng vốn huy động (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) tăng tốc đáng kể trong Q3, tăng 15,1% kể từ đầu năm và tăng 5,8% so với quý trước, nhanh hơn một chút so với tăng trưởng tín dụng trong quý. LPB tiếp tục phụ thuộc chủ yếu vào tiền gửi khách hàng (tăng 15,2% kể từ đầu năm) thay vì giấy tờ có giá, không như hầu hết các NHTM tư nhân khác. Hệ số LDR điều chỉnh (tổng tín dụng/tổng huy động) giảm nhẹ so với quý trước xuống 99,5% từ 100%, nhưng vẫn ở mức cao.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD, LPB

Chi phí giảm tiếp tục là động lực tăng trưởng chính

	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	3,778	4,235	12.1%	10,887	11,253	3.4%	70.4%
Thu nhập ngoài lãi	1,291	1,088	-15.7%	3,491	3,671	5.1%	71.9%
Lãi thuần HD dịch vụ	1,016	853	-16.0%	2,701	2,533	-6.2%	78.1%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	99	79	-20.2%	291	261	-10.4%	76.6%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	12	-48	-492.6%	33	20	-39.7%	22.3%
Thu nhập khác	119	186	56.1%	392	797	103.4%	59.2%
Thu nhập từ mua cổ phần	45	18	-60.0%	75	61	-19.3%	69.2%
Tổng thu nhập HD	5,069	5,323	5.0%	14,379	14,924	3.8%	70.8%
Chi phí HD	1,538	1,449	-5.7%	4,161	4,226	1.6%	72.1%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	3,531	3,874	9.7%	10,218	10,698	4.7%	70.3%
Chi phí dự phòng	632	426	-32.6%	1,401	1,087	-22.4%	57.6%
LNTT	2,899	3,448	18.9%	8,818	9,612	9.0%	72.1%
Lợi nhuận thuần	2,330	2,762	18.5%	7,050	7,692	9.1%	72.1%

Nguồn: LPB, HSC

Tỷ lệ NIM tăng 26 điểm cơ bản so với quý trước mặc dù chi phí huy động tăng 28 điểm cơ bản

Tỷ lệ NIM cải thiện 26 điểm cơ bản so với quý trước lên 3,27% (vẫn giảm 17 điểm cơ bản so với cùng kỳ), cao hơn một chút so với dự báo. Tuy nhiên, sau khi điều chỉnh các khoản phí khác, nhiều khả năng liên quan đến cấp tín dụng và ghi nhận vào thu nhập phí, tỷ lệ NIM điều chỉnh nhìn chúng sát với dự báo của chúng tôi.

Tỷ lệ NIM cải thiện nhờ lợi suất gộp tăng 53 điểm cơ bản so với quý trước bù đắp chi phí huy động tăng 28 điểm cơ bản. Lãi suất thực tế tăng lên, mặc dù lãi suất niêm yết ổn định, sát với dự báo của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi vẫn thấp, giảm 15,7% so với cùng kỳ

Lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 16% so với cùng kỳ và đi ngang so với quý trước, chủ yếu do thu nhập phí khác sụt giảm, nhiều khả năng do chuyển vào thu nhập lãi (hỗ trợ tỷ lệ NIM, như phân tích ở trên). Nếu loại ra yếu tố này, thu nhập phí cốt lõi cải thiện nhẹ, tăng 5% so với cùng kỳ.

Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 20% so với cùng kỳ do điều kiện thị trường không thuận lợi. Tỷ giá niêm yết tại các NHTM vẫn sát với mức trần tỷ giá của NHNN, từ đó thu hẹp tỷ suất lợi nhuận mảng kinh doanh ngoại tệ. Lãi mua bán trái phiếu cũng gây thất vọng, lỗ 48 tỷ đồng, nhiều khả năng do lợi suất TPCP tăng lên (lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm tăng 42 điểm cơ bản trong Q3 lên 3,76%).

Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ lên 1,78%

Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ 4 điểm cơ bản so với quý trước lên 1,78%, cao hơn đáng kể so với cuối năm ngoái (1,57%). Điều này phù hợp với quan điểm của chúng tôi về chiến lược duy trì nợ xấu nội bảng cao để kiểm soát chi phí dự phòng của LPB.

Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành duy trì ở mức thấp 0,13%, thấp hơn bình quân 12 quý ở mức 0,3%. Tuy nhiên, rủi ro vẫn hiện hữu nếu nợ xấu mới hình thành tăng tốc trong bối cảnh vĩ mô bất ổn hiện nay.

Chi phí hoạt động được kiểm soát tốt mặc dù số lượng nhân sự tăng lên

Chi phí hoạt động giảm 5,7% so với cùng kỳ, sát với dự báo, tương đương hệ số CIR giảm xuống 27,2% từ 28,9% trong 6 tháng đầu năm 2025, chủ yếu nhờ chi phí lao động giảm 8,2% so với cùng kỳ và chi phí quản lý giảm 24,4% so với cùng kỳ.

Lưu ý rằng số lượng lao động tăng 2,3% so với quý trước sau 3 quý sụt giảm liên tiếp. Cùng với chi phí tiền lương bình quân tăng 18%, điều này có thể gia tăng sức ép lên chi phí hoạt động trong những quý tới, theo như dự báo của chúng tôi.

HSC duy trì giá mục tiêu và khuyến nghị Bán ra

Kết quả này nhìn chung sát với dự báo, HSC duy trì giá mục tiêu và khuyến nghị Bán ra.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	32,354	34,137	38,856	45,487	55,508
Chi phí lãi	(21,151)	(18,743)	(22,875)	(25,477)	(30,306)
Thu nhập lãi thuần	11,203	15,394	15,982	20,009	25,202
Lãi thuần HĐ dịch vụ	3,566	3,211	3,243	3,071	2,818
Lãi thuần HĐ KDNH	435	273	341	427	604
Lãi/lỗ từ mua bán CK	25.0	41.6	89.3	61.0	72.7
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	49.3	75.0	87.5	87.5	87.5
Thu nhập khác	347	938	1,345	742	1,113
Tổng thu nhập HĐ	15,625	19,932	21,087	24,397	29,898
Chi phí HĐ	(5,760)	(5,810)	(5,865)	(6,676)	(8,349)
LN trước dự phòng	9,865	14,122	15,223	17,721	21,550
Chi phí dự phòng	(2,826)	(1,954)	(1,887)	(3,610)	(5,800)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	7,039	12,168	13,336	14,112	15,749
Chi phí thuế TNDN	(1,467)	(2,447)	(2,668)	(2,822)	(3,150)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	5,572	9,721	10,667	11,289	12,600
EPS (đồng)	1,865	3,254	3,571	3,779	4,218
DPS (đồng)	0	0	2,500	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2,383	1,162	2,348	3,769	4,540
Tiền gửi tại NHNN	14,578	14,370	7,826	14,135	22,702
Tiền gửi tại các TCTD khác	35,528	96,455	93,373	101,005	95,302
Chứng khoán kinh doanh	580	660	562	662	797
Các công cụ tài chính phái sinh	0	9.14	0	0	0
Số dư cho vay thuần	271,994	327,276	385,921	455,710	537,527
Tổng dư nợ cho vay	275,453	331,606	391,295	461,728	544,839
Dự phòng rủi ro	(3,458)	(4,330)	(5,375)	(6,018)	(7,312)
Chứng khoán đầu tư	46,844	58,080	55,677	65,583	78,943
CK đầu tư sẵn sàng để bán	46,844	58,080	55,677	65,583	78,943
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	349	549	516	516	516
Tài sản cố định	1,950	2,732	3,216	3,716	4,216
Tài sản khác	8,656	7,037	7,980	9,463	11,418
Tổng tài sản	382,863	508,330	557,418	654,560	755,961
Nợ phải trả	348,746	464,992	511,268	600,672	693,091
Tiền gửi của NHNN	89.6	1,271	7,826	0.01	0.01
Tiền gửi của các TCTD khác	50,112	115,349	101,737	115,432	108,968
Tổng tiền gửi KH	237,392	283,172	332,601	400,479	482,410
Trái phiếu và CCTG	47,910	55,459	58,694	70,673	85,131
Nợ khác	13,166	9,741	10,174	13,852	16,345
Vốn chủ sở hữu	34,117	43,338	46,150	53,888	62,870
Vốn điều lệ	25,576	25,576	29,873	29,873	29,873
Thặng dư vốn cổ phần	0.06	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	4,845	12,122	8,504	14,108	20,833
Quỹ & vốn khác của CSH	3,696	5,640	7,774	9,907	12,165
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	382,863	508,330	557,418	654,560	755,961
BVPS (đồng)	11,421	14,508	15,449	18,039	21,046

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	16.8	32.8	9.66	17.4	15.5
Tăng trưởng cho vay KH (%)	16.8	20.4	18.0	18.0	18.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	9.96	19.3	17.5	20.4	20.5
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	13.7	18.7	15.6	20.4	20.5
Tăng trưởng VCSH (%)	41.8	27.0	6.49	16.8	16.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	(5.86)	37.4	3.82	25.2	26.0
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	8.54	0.88	0.93	13.8	25.1
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	11.3	43.1	7.79	16.4	21.6
Tăng trưởng LNTT (%)	23.7	72.9	9.59	5.82	11.6
Tăng trưởng LN thuần (%)	23.5	74.5	9.74	5.83	11.6

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.40	4.47	3.96	4.03	4.24
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.62)	(1.30)	(1.10)	(1.10)	(1.18)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	97.5	98.0	98.4	98.3	98.2
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.47	1.78	2.30	2.42	2.69
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	5.16	9.02	9.90	11.0	12.9

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	25.5	14.6	13.3	12.6	11.3
P/B (lần)	4.16	3.27	3.07	2.63	2.26
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	5.26	2.11	2.11

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	35.7	48.8	50.6	46.3	42.1
ROAA (%)	1.57	2.18	2.00	1.86	1.79
ROAE (%)	19.2	25.1	23.8	22.6	21.6
Chi phí huy động BQ (%)	6.72	4.74	4.78	4.69	4.80
Lợi suất góp BQ (%)	9.34	7.82	7.41	7.64	8.01
Lợi suất thuần (%)	2.62	3.08	2.62	2.95	3.22
Tỷ lệ NIM (%)	3.24	3.53	3.05	3.36	3.64
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	22.8	16.1	15.4	12.6	9.43
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	71.7	77.2	75.8	82.0	84.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	5.48	6.66	8.83	5.40	6.28
Tỷ lệ CIR (%)	36.9	29.2	27.8	27.4	27.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	70.0	26.5	23.7

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.2	13.3	12.0	11.7	11.7
VCSH/Tổng TS (%)	8.91	8.53	8.28	8.23	8.32
Đòn bẩy vốn (lần)	11.2	11.7	12.1	12.1	12.0

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.34	1.57	1.90	1.90	1.80
Hệ số LLR (%)	93.8	83.3	72.3	68.6	74.6

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	116	117	118	115	113
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	14.9	25.4	20.6	19.7	16.1
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	71.9	65.2	70.2	70.5	72.1

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,079	1,078	1,078	1,028	978
Số lượng nhân viên	10,627	11,189	9,175	10,093	11,102

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn